

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/DS-ST  
Ngày: 06 - 6 - 2022  
V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phan Kim Ngân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Ngọc Hải
2. Ông Trương Văn Ánh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long** tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp: “hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXX-ST ngày 29 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ**

Trụ sở: đường P, phường L, quận N, TP. Hồ Chí Minh

Đại diện theo pháp luật: Ông V. Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền: Bà T. Chức vụ: Quản lý tín dụng (Theo Quyết định số 04/QĐ-CVH ngày 01/4/2022) (xin vắng mặt).

Địa chỉ PGD C: đường T, khóm N, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**2. Bị đơn:** Ông Q, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 10 năm 2021 và và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Q có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP Đ, chi tiết như sau:

*Khoản cấp tín dụng thứ nhất:* Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00275537 - 0094877102T20001 ngày 10/8/2020 số tiền vay 160.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 10/8/2020 đến ngày 11/8/2025); lãi suất trong hạn 6,5%/năm (từ ngày 10/8/2020 đến ngày 12/11/2020) và 8%/năm (từ ngày 13/11/2020 đến ngày 11/8/2025), lãi suất quá hạn 12%/năm; mục đích vay: vay góp tiêu dùng, phục vụ nhu cầu đời sống; biện pháp đảm bảo: bằng tiền lương hàng tháng. Trong quá trình vay từ ngày 10/8/2020 đến ngày 21/10/2021, ông Q trả được: số tiền vốn 3.686.701 đồng, lãi trong hạn 3.383.299 đồng, tổng cộng: 7.070.000 đồng. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ngày 10/11/2020, Ngân hàng TMCP Đ đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 21/10/2021; ông Q còn nợ các khoản: vốn: 156.313.299 đồng, lãi trong hạn: 59.978.304 đồng, lãi quá hạn: 1.424.546 đồng; tổng cộng: 217.716.149 đồng.

*Khoản cấp tín dụng thứ hai:* Giấy đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ thấu chi số 195/TC000011/2020 ngày 18/3/2020 số tiền vay 100.000.000 đồng; thời hạn vay 12 tháng (từ ngày 18/3/2020 đến ngày 18/3/2021); lãi suất 12,6%/năm (từ ngày 18/3/2020 đến ngày 12/11/2020) và 16,8%/năm (từ ngày 13/11/2020 đến ngày 18/3/2021), lãi suất quá hạn 25,2%/năm; mục đích vay: vay thấu chi tiêu dùng, phục vụ nhu cầu đời sống; biện pháp đảm bảo: bằng tiền lương hàng tháng. Trong quá trình vay từ ngày 18/3/2020 đến ngày 21/10/2021, ông Q trả được: số tiền vốn 3.174.282 đồng, lãi trong hạn 2.166.386 đồng, tổng cộng: 5.340.668 đồng. Do ông Q vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên từ ngày 18/3/2021, Ngân hàng TMCP Đ đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 21/10/2021; ông Q còn nợ các khoản: vốn: 96.825.718 đồng, lãi trong hạn: 3.981.844 đồng, lãi quá hạn: 14.506.352 đồng; tổng cộng: 115.313.914 đồng.

Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần động viên nhắc nhở và tạo mọi điều kiện thuận lợi để ông Q thanh toán vốn lãi đúng hạn cho Ngân hàng nhưng ông Q không thực hiện và đã vi phạm hợp đồng. Tính đến ngày 21/10/2021 ông Q còn phải thanh toán nợ vay của hai khoản cấp tín dụng là 333.030.063 đồng (trong đó: vốn: 253.139.017 đồng, lãi trong hạn: 63.960.148 đồng, lãi quá hạn: 15.930.898 đồng) nên Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu ông Q thực hiện nghĩa vụ trả nợ; đồng thời yêu cầu tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 22/10/2021 cho đến khi ông Q trả hết nợ theo lãi suất quá hạn.

Tại bản khai ngày 06/6/2022 Ngân hàng TMCP Đ yêu cầu ông Q có trách nhiệm trả số tiền còn nợ tính đến ngày 06/6/2022 là 350.765.583 đồng (trong đó: vốn: 253.139.017 đồng, lãi trong hạn: 63.960.148 đồng, lãi quá hạn: 33.666.418 đồng) và yêu cầu tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 07/6/2022 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ theo hợp đồng đã ký.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228

của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; áp dụng các Điều 90, 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); áp dụng khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ. Buộc ông Q phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ tạm tính đến ngày 06/6/2022 là 350.765.583 đồng (trong đó: vốn: 253.139.017 đồng, lãi trong hạn: 63.960.148 đồng, lãi quá hạn: 33.666.418 đồng) và ông Q phải tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 07/6/2022 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Q phải nộp 17.538.000 đồng. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.325.000 đồng theo biên lai thu số 0013478 ngày 28/02/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu ông Q trả số tiền vay theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00275537 - 0094877102T20001 ngày 10/8/2020 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ thấu chi số 195/TC000011/2020 ngày 18/3/2020; bị đơn có nơi cư trú ở huyện Bình Tân; mục đích vay tiền để tiêu dùng, phục vụ nhu cầu đời sống, các bên không có thỏa thuận khác về cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ là bà T có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn ông Q tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng bị đơn vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

Ông Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến, không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Xét vào ngày 10/8/2020 giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông Q đã ký Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00275537 - 0094877102T20001 và ngày 18/3/2020 đã ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ thấu chi số 195/TC000011/2020. Việc ký kết các Hợp đồng giữa hai bên là hoàn toàn tự nguyện, các thỏa thuận vay tiền không trái pháp luật.

Xét bị đơn đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và chứng cứ do Ngân hàng TMCP Đ gửi nhưng đến thời điểm xét xử sơ thẩm chưa có ý kiến phản đối nên đây được xem là tình tiết, văn bản mà nguyên đơn không phải chứng minh, quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2] Do ông Q đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận; tính đến ngày 06/6/2022 số tiền còn nợ phải trả là 350.765.583 đồng (trong đó: vốn: 253.139.017 đồng, lãi trong hạn: 63.960.148 đồng, lãi quá hạn: 33.666.418 đồng) nên yêu cầu của Ngân hàng TMCP Đ là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Mặt khác, ông Q còn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh từ ngày 07/6/2022 cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00275537 - 0094877102T20001 ngày 10/8/2020 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ thấu chi số 195/TC000011/2020 ngày 18/3/2020.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Q phải chịu 17.538.000 đồng. Ngân hàng TMCP Đ không phải nộp án phí.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015; các Điều 90, 91, 95 và 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ do bà T đại diện.

2. Buộc ông Q có trách nhiệm trả số tiền còn nợ Ngân hàng TMCP Đ theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00275537 - 0094877102T20001 ngày 10/8/2020 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ thấu chi số 195/TC000011/2020 ngày 18/3/2020 tính đến ngày 06/6/2022 là 350.765.583 đồng (*Ba trăm năm mươi triệu bảy trăm sáu mươi lăm nghìn năm trăm tám mươi ba đồng*) (trong đó: vốn: 253.139.017 đồng, lãi trong hạn: 63.960.148 đồng, lãi quá hạn: 33.666.418 đồng).

3. Ông Q còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng TMCP Đ theo Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00275537 - 0094877102T20001 ngày 10/8/2020 và Giấy đăng ký kiêm hợp đồng sử dụng dịch vụ thấu chi số 195/TC000011/2020 ngày 18/3/2020 kể từ ngày 07/6/2022 cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Buộc ông Q phải nộp 17.538.000 đồng (*Mười bảy triệu năm trăm ba mươi tám nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

4.2. Hoàn trả Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 8.325.000 đồng (*Tám triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0013478 ngày 28/02/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

*Đương sự vắng mặt tại phiên được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

(đã ký)

**Phan Kim Ngân**